



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

Số/ No: 1787/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA EXAMINATION REPORT	Ngày/ Date: 17/06/2025 Trang/ Page: 1/9
---------------------------	--	--

1. Khách hàng yêu cầu: Customer:	TRƯƠNG HỒNG TRINH
2. Địa chỉ kiểm tra: Place of testing:	CÔNG TY TNHH PHÚC ANH - Kp Khánh Long, P.Tân Phước Khánh, TX.Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
3. Đối tượng kiểm tra: Type of testing:	Miếng dán ES tiết kiệm điện ver2 Ver2 of energy saving patch
4. Phương pháp kiểm tra: Method of testing:	Theo yêu cầu khách hàng.
5. Thời gian thực hiện: Inspection Date:	14/06/2025
6. Thông số kỹ thuật: Specification:	Loại / Type: NF400-CA
	Số quản lý / Serial No: LN309N474-6
	Nhà sản xuất / Manufacture: MITSUBISHI
	Năm sản xuất / Date of manufacture: Không rõ/NA
	Điện áp định mức / Rated voltage: 500 V
	Dòng điện định mức / Rated current: 400 A
	Dòng cắt lớn nhất/ Maximum cutting current: 20 kA
7. Phương tiện kiểm tra: Testing equipment:	Tần số / Frequency: 50/60 Hz
	- Metrel MI2892; UTi 260B; HTC-1
8. Điều kiện môi trường: Environmental conditions:	(33 ± 2) °C ; (58 ± 5) % RH
9. Kết quả kiểm tra: Testing result:	Xem trang sau See next page

Người Thực Hiện
Executor

Nguyễn Kim Khoa

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Quốc Hoàn

Ban hành lần 2



TN/QT-27/M01

- Phòng Kiểm định và Thí nghiệm điện đã được AOSC công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (VLAT-1.0757);
- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) chưa được công nhận, hoặc do khách hàng yêu cầu, các chỉ tiêu (**) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo thông tin khách hàng cung cấp;
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của ETSC.



Số/ No: 1737/2025/KT-ETSC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA
EXAMINATION REPORT

Ngày/ Date: 17/06/2025
Trang/ Page: 2/9

Nội dung kết quả đo mục 9 trang 1
Content of measured results 9 page 1

9.1 Kết quả đo với không miếng dán ES tiết kiệm điện / The value measurement without ES energy saving patch:

Thời gian thực hiện phép đo: 14/06/2025 – 08 giờ 54 phút đến 09 giờ 49 phút

Stt No	Đo các thông số Measure the parameters	Pha A-B Phase A-B	Pha B-C Phase B-C	Pha C-A Phase C-A	
1	Điện áp vận hành (V)/ <i>Operating voltage (V)</i>	398,59	398,49	398,72	
2	Dòng điện tiêu thụ (A)/ <i>Current (A)</i>	106,85 – 175,14	137,41 – 199,61	99,61 – 155,30	
3	Tần số vận hành (Hz)/ <i>Operating frequency (Hz)</i>	50,239			
4	Sóng hài của điện áp (%) / <i>Harmonics of voltage (%)</i>	3,664	3,620	3,698	
5	Sóng hài của dòng điện (%) / <i>Harmonics of currents (%)</i>	22,92	16,32	22,92	
6	Điện năng tiêu thụ (kWh)/ <i>active energy (kWh)</i> (Trong 55 phút/ <i>in 55 minutes</i>)	83,689			
7	Điện năng phản kháng (kvarh)/ <i>reactive energy (kvarh)</i> (Trong 55 phút/ <i>in 55 minutes</i>)	18,196			
8	Nhấp nháy điện áp/ <i>Flashing voltage</i>	P _{st}	1,086	1,076	1,121
9	Thành phần thứ tự nghịch của dòng điện (%) / <i>Inverse sequence current component (%)</i>	11,563			
10	Hệ số Công suất/ <i>Power factor</i>	0,929			

Số/ No: 1787/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA EXAMINATION REPORT	Ngày/ Date: 17/06/2025 Trang/ Page: 3/9
---------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 9 trang 1

Content of measured results 9 page 1

9.2 Kết quả đo với miếng dán ES tiết kiệm điện / The value measurement with ES energy saving patch:

Thời gian thực hiện phép đo: 14/06/2025 – 10 giờ 01 phút đến 10 giờ 56 phút

Thời gian thực hiện phép đo: 14/06/2025 – 10 giờ 01 phút đến 10 giờ 56 phút

Stt No	Đo các thông số Measure the parameters	Pha A-B Phase A-B	Pha B-C Phase B-C	Pha C-A Phase C-A	
1	Điện áp vận hành (V)/ <i>Operating voltage (V)</i>	398,74	396,79	397,09	
2	Dòng điện tiêu thụ (A)/ <i>Current (A)</i>	104,11 – 182,00	125,07 – 206,40	86,40 – 167,08	
3	Tần số vận hành (Hz)/ <i>Operating frequency (Hz)</i>	49,973			
4	Sóng hài của điện áp (%) / <i>Harmonics of voltage (%)</i>	3,693	3,693	3,853	
5	Sóng hài của dòng điện (%) / <i>Harmonics of currents (%)</i>	23,24	18,02	25,96	
6	Điện năng tiêu thụ (kWh)/ <i>active energy (kWh)</i> (Trong 55 phút/ <i>in 55 minutes</i>)	76,962			
7	Điện năng phản kháng (kvarh)/ <i>reactive energy (kvarh)</i> (Trong 55 phút/ <i>in 55 minutes</i>)	13,363			
8	Nhấp nháy điện áp/ <i>Flashing voltage</i>	P _{st}	1,195	1,164	1,226
9	Thành phần thứ tự nghịch của dòng điện (%) / <i>Inverse sequence current component (%)</i>	11,943			
10	Hệ số Công suất/ <i>Power factor</i>	0,943			



Số/ No: 1787/2025/KT-ETSC

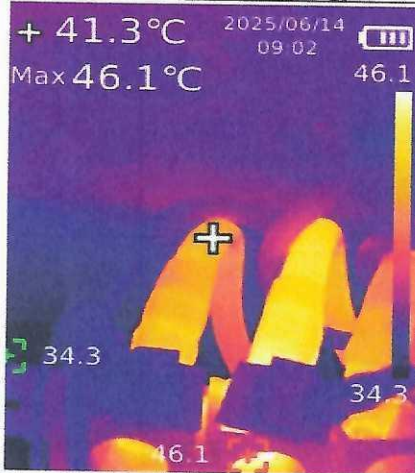
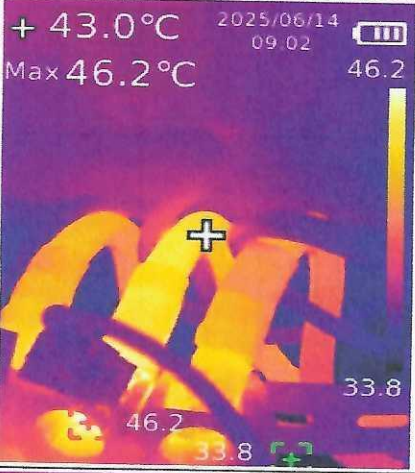
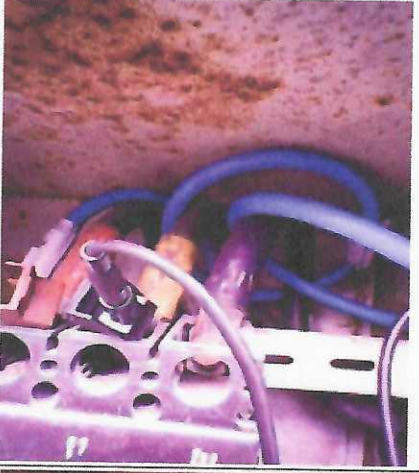
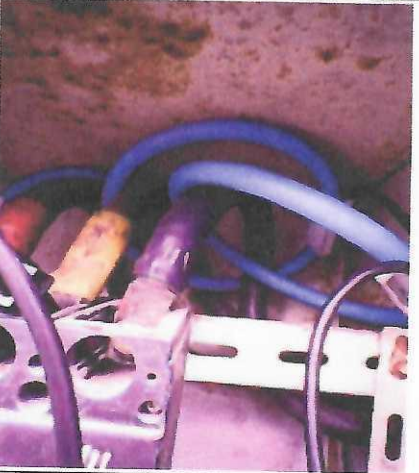
**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA
EXAMINATION REPORT**

Ngày/ Date: 17/06/2025
Trang/ Page: 4/9

Nội dung kết quả đo mục 9 trang 1
Content of measured results 9 page 1

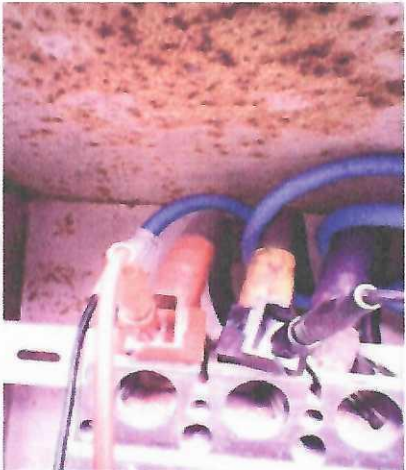
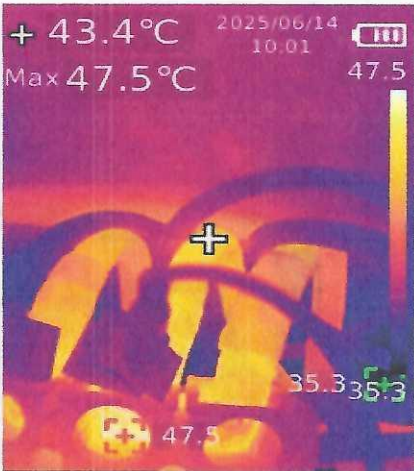
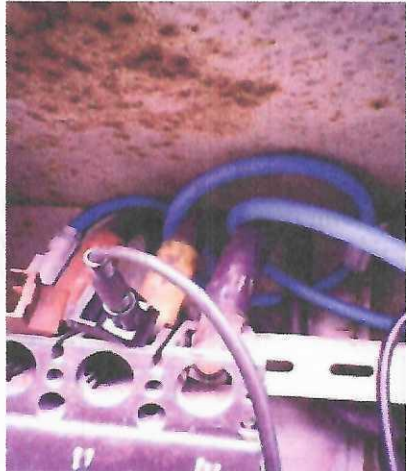
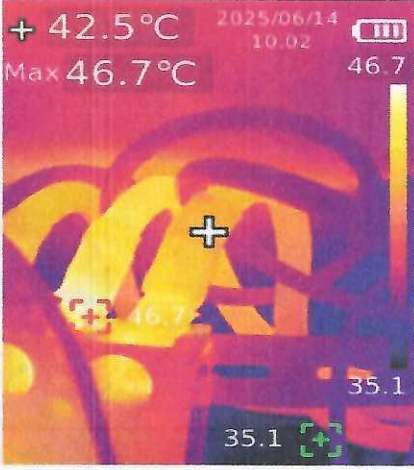
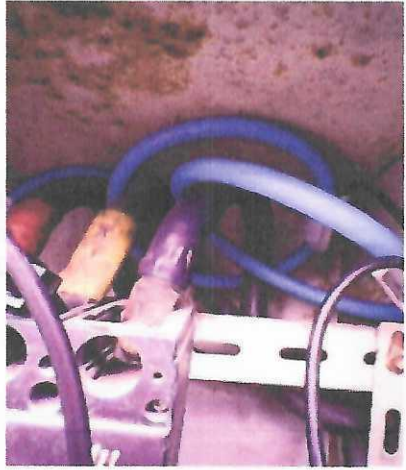
9.3 Kết quả kiểm tra nhiệt độ dây cáp MCB (400A) / Temperature measurement results of cable lines MCB (400A):

**Nhiệt độ dây cáp MCB (400A) khi không sử dụng miếng dán ES tiết kiệm điện/
Temperature of cable line MCB (400A) without using ES energy saving patch:**

Nhiệt độ dây cáp đầu vào MCB khi không sử dụng miếng dán ES ver2 tiết kiệm điện vào lúc bắt đầu đo.	Pha A Phase A t = 41,3 °C		
	Pha B Phase B t = 43,0 °C		
	Pha C Phase C t = 39,7 °C		

Số/ No: 1787/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA EXAMINATION REPORT	Ngày/ Date: 17/06/2025 Trang/ Page: 5/9
---------------------------	--	--

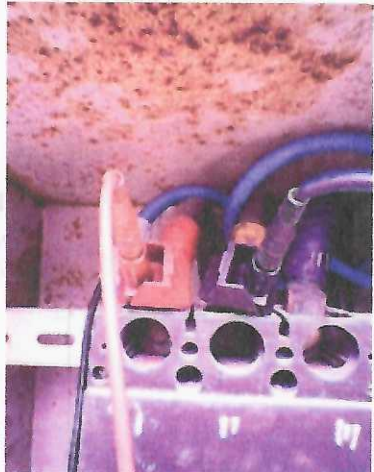
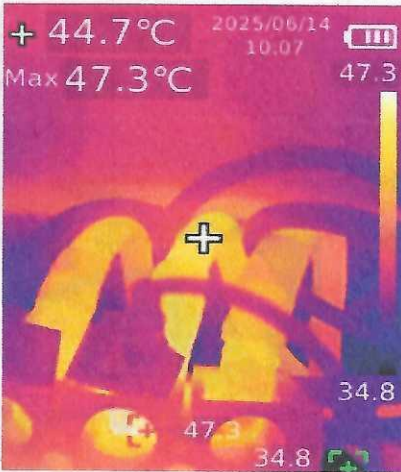
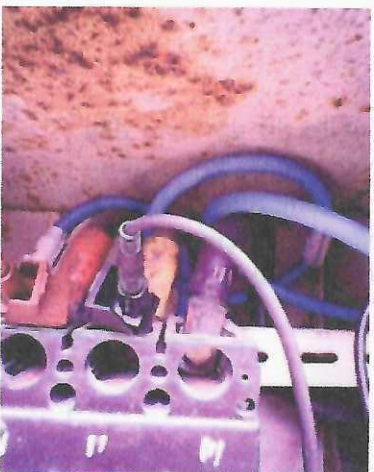
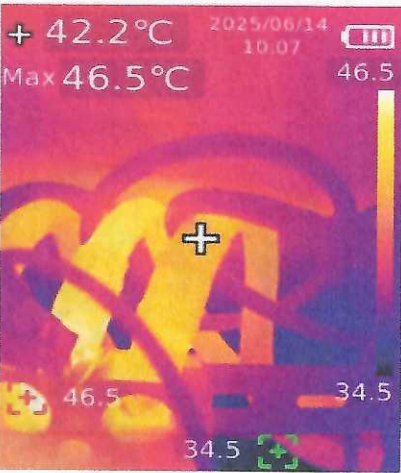
Nội dung kết quả đo mục 9 trang 1
 Content of measured results 9 page 1

Nhiệt độ dây cáp MCB (400A) khi không sử dụng miếng dán ES tiết kiệm điện/ Temperature of cable line MCB (400A) without using ES energy saving patch:		
Nhiệt độ dây cáp đầu vào MCB khi không sử dụng miếng dán ES ver2 tiết kiệm điện vào lúc kết thúc đo.	Pha A <i>Phase A</i> t = 42,5 °C	 
	Pha B <i>Phase B</i> t = 43,4 °C	 
	Pha C <i>Phase C</i> t = 42,5 °C	 

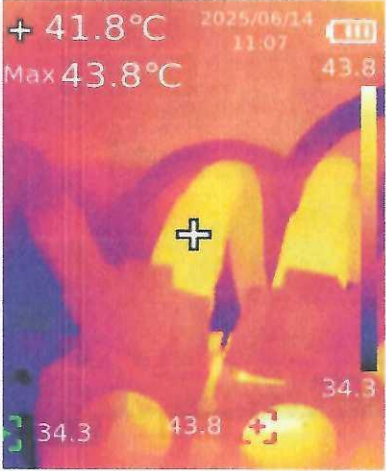
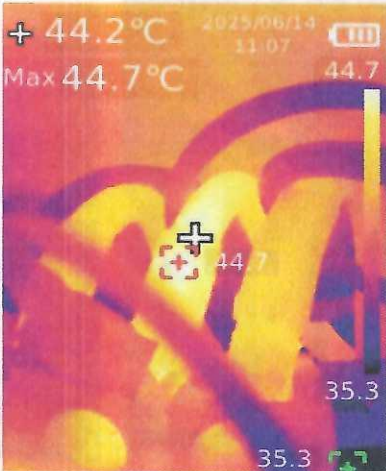
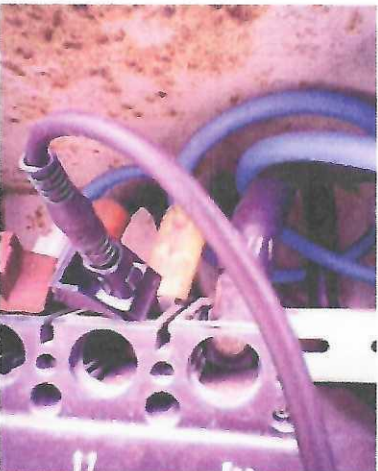
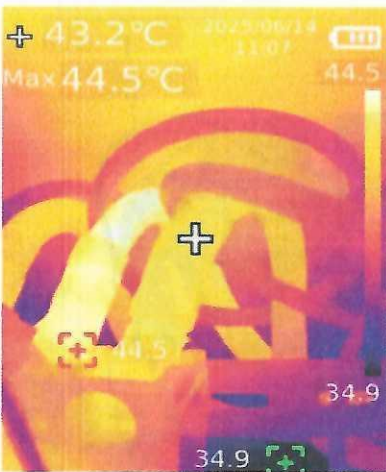
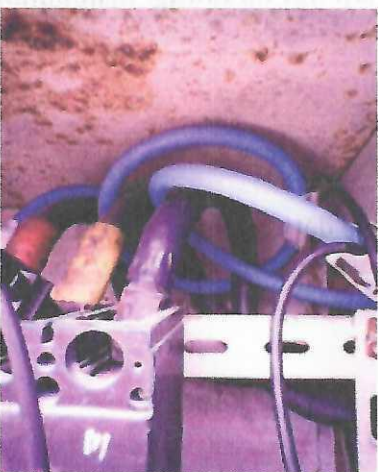


Số/ Nº: PH/87/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA EXAMINATION REPORT	Ngày/ <i>Date</i> : 17/06/2025 Trang/ <i>Page</i> : 6/9
-----------------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 9 trang 1
Content of measured results 9 page 1

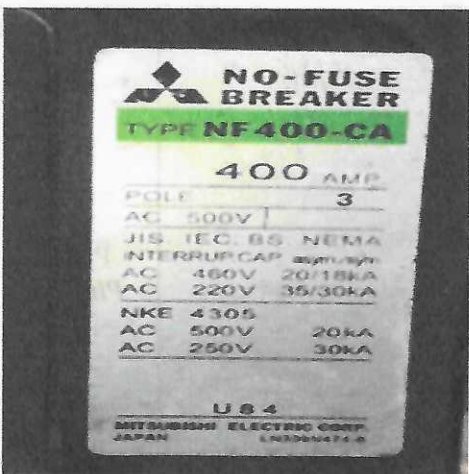
	Pha A <i>Phase A</i> t = 42,8 °C		
Nhiệt độ dây cáp đầu vào MCB khi sử dụng miếng dán ES ver2 tiết kiệm điện vào lúc bắt đầu đo.	Pha B <i>Phase B</i> t = 44,7 °C		
	Pha C <i>Phase C</i> t = 42,2 °C		

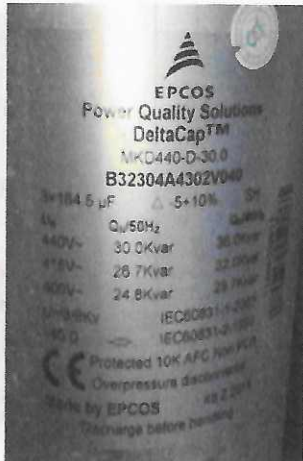
Nội dung kết quả đo mục 9 trang 1
 Content of measured results 9 page 1

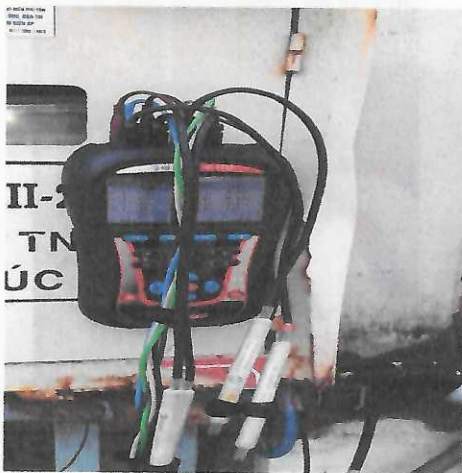
Nhiệt độ dây cáp MCB (400A) khi sử dụng miếng dán ES tiết kiệm điện/ Temperature of cable line MCB (400A) when using ES energy saving patch:			
Nhiệt độ dây cáp đầu vào MCB khi sử dụng miếng dán ES ver2 tiết kiệm điện vào lúc kết thúc đo.	Pha A <i>Phase A</i> t = 41,8 °C	 	682 TY ẢNH VÀ T ĐIỆN AM CH
	Pha B <i>Phase B</i> t = 44,2 °C	 	
	Pha C <i>Phase C</i> t = 43,2 °C	 	

 M.S.D.N: 0315916621 CÔNG TY Số/ No: 787/2025/KT-ETSC KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA EXAMINATION REPORT	Ngày/ Date: 17/06/2025 Trang/ Page: 8/9
---	--	---

9.4. Hình ảnh thực tế của MCB (400A) được sử dụng/ The pictures of the MCB (400A) used:

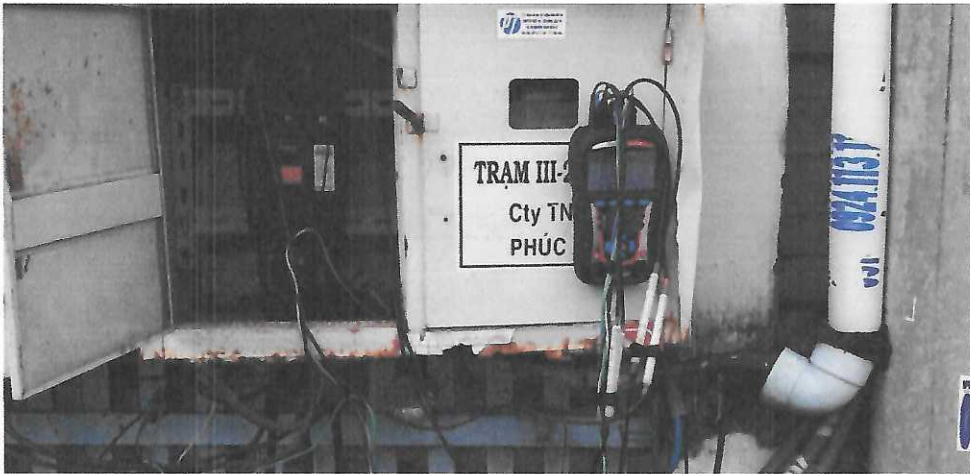
Hình ảnh MCB (400A) được sử dụng kèm thông số	 
--	---

Hình ảnh tủ tụ bù kèm thông số	  
---------------------------------------	--

Lắp đặt đo lường/ installation	
Lắp đặt thiết bị đo và kết nối Cảm Biến đo dòng/ áp lên MCB (400A)	 

Số/ No: 1787/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA EXAMINATION REPORT	Ngày/ Date: 17/06/2025 Trang/ Page: 9/9
---------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 9 trang 1
Content of measured results 9 page 1

Kết nối thiết bị đo với MCB	
-----------------------------	--

